NGUYỄN DUY CHÍNH

MỘT NGƯỜI THẦY KHÔNG ĐỨNG TRÊN BỤC GIẢNG

V.N.

Từ một người mê Kim Dung
đến một người mê sử Việt

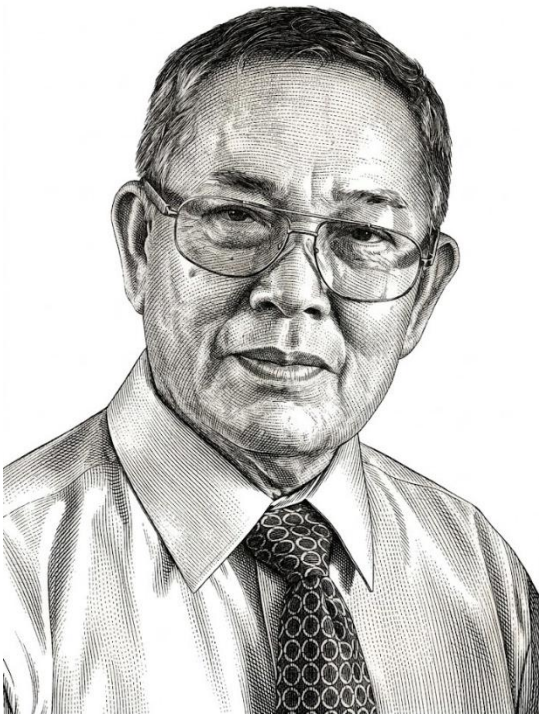

Học giả Nguyễn Duy Chính

Có những người ta gặp trong đời rồi quên. Có những người chỉ gặp một lần nhưng để lại một kỷ niệm. Và cũng có những người, trước khi gặp mặt, ta đã biết họ qua sách vở; đến khi gặp rồi mới hiểu rằng cái duyên văn tự đã dẫn mình đến một mối giao tình sâu hơn nhiều so với một cuộc quen biết thông thường.

Anh Nguyễn Duy Chính đối với tôi là một người như thế.

Tôi biết anh trước khi gặp anh khá lâu.

Lần đầu tiên tôi biết đến cái tên Nguyễn Duy Chính là qua những bài dịch truyện kiếm hiệp Kim Dung trên trang VietKiếm (vietkiem.com). Khi ấy, Internet đối với người Việt còn là một không gian khá mới mẻ, và những trang web như VietKiếm là một thứ thư viện điện tử đặc biệt đối với những người mê văn chương nhưng sống xa quê. Nguyễn Duy Chính là một trong những cái tên nổi bật nhất ở đó. Những bản dịch của anh không chỉ giúp người đọc thưởng thức Kim Dung mà còn cho người đọc cảm nhận được phía sau những câu chuyện kiếm hiệp là cả một thế giới ngôn ngữ, lịch sử, điển cố và văn hóa Trung Hoa.

Tôi đặc biệt khâm phục khả năng tự học chữ Hán của anh.

Càng đọc, tôi càng tò mò: một người sống ở Hoa Kỳ, không làm nghề dạy Hán văn, làm thế nào có thể đọc được nguyên tác, hiểu được những tầng nghĩa văn hóa phía sau câu chữ, rồi chuyển chúng sang tiếng Việt một cách tự nhiên như vậy?

Thế là tôi bắt đầu lần mò tìm tất cả những bài viết của anh trên mạng.

Tìm được bài nào, tôi đọc bài ấy. Có những bài đọc một lần chưa đủ, tôi lại đọc lần thứ hai, thứ ba. Từ Kim Dung, tôi đi vào văn hóa Trung Hoa; từ văn hóa Trung Hoa, tôi bắt đầu nhìn lại chữ Hán, cổ văn và những mối liên hệ giữa văn hóa Việt Nam với Trung Quốc.

Nhưng trong tất cả những bài viết của anh mà tôi từng đọc, bài để lại cho tôi ấn tượng sâu đậm nhất lại không phải là một bài khảo cứu lịch sử, cũng không phải một bài về Kim Dung.

Đó là bài "Tâm Sư". (xem *Phụ Lục*)

1. Một "tâm sư" của một "tâm sư"

Trong bài viết ấy, anh Nguyễn Duy Chính kể về mối quan hệ đặc biệt của anh với học giả Nguyễn Hiến Lê.

Anh đọc Nguyễn Hiến Lê từ thuở nhỏ. Anh chịu ảnh hưởng của cụ rất nhiều, nhưng chưa bao giờ có cơ hội gặp cụ. Không được học cụ theo nghĩa thông thường,

không được cụ trực tiếp chỉ bảo, nhưng qua sách vở, qua cách sống và cách làm việc của Nguyễn Hiến Lê, anh đã tự nhận cụ là "tâm sư" của mình.

Cách dùng chữ ấy khiến tôi xúc động.

Một người chưa từng gặp mà vẫn có thể trở thành thầy của mình.

Một người không đứng trước mặt mà vẫn có thể chỉ đường cho mình.

Một người đã qua đời nhưng vẫn tiếp tục dạy người sống bằng những trang sách để lại.

Và từ khoảnh khắc đọc bài "Tâm Sư", tôi bỗng có một ý nghĩ hơi "ngang ngược" nhưng rất tự nhiên: nếu Nguyễn Hiến Lê là tâm sư của Nguyễn Duy Chính, thì anh Nguyễn Duy Chính cũng có thể là tâm sư của tôi. Tôi chưa gặp anh nhưng tôi đã học được từ anh. Tôi học từ những bản dịch của anh. Tôi học từ những bài khảo cứu của anh. Tôi học từ cách anh tự học.

Và quan trọng hơn hết, tôi học được từ anh một thái độ đối với việc học: đã học thì phải làm; đã tìm được điều gì thì phải ghi lại; đã phát hiện điều gì mới thì nên chia sẻ với người khác.

Chính vì vậy, trước khi có cơ hội gặp mặt, trong lòng tôi đã có một người thầy. Một người thầy mà tôi chưa từng gọi là thầy. Một người thầy mà có lẽ anh cũng không biết mình đang làm thầy của một người ở rất xa.

2. Cuộc gặp năm 2008

Mãi đến năm 2008, cái duyên ấy mới trở thành một cuộc gặp mặt thực sự.

Nhờ sự giới thiệu của anh Hoàng Hưng, một người bạn vong niên, tôi được gặp anh Nguyễn Duy Chính lần đầu tiên.

Nếu chỉ xét về thời gian, đó là lúc chúng tôi mới chính thức quen nhau. Nhưng về phương diện tinh thần, tôi có cảm giác mình đã biết anh từ nhiều năm trước. Cuộc gặp ấy mở đầu cho một mối giao tình mà càng về sau tôi càng thấy quý.

Chúng tôi gặp nhau và nhanh chóng nhận ra giữa hai người có một điểm chung rất mạnh: đồng khí tương cầu trong việc tự học và tự làm khảo cứu.

Anh không phải là kiểu người học để lấy bằng. Tôi cũng không tìm đến anh vì một danh vị. Điều kéo chúng tôi lại gần nhau là sách, là chữ, là lịch sử, là những điều chưa biết và nhất là cái thú tự mình đi tìm câu trả lời.

Tôi bắt đầu học được từ anh nhiều điều. Từ chữ Hán đến chữ Nôm. Từ cách đọc một câu cổ văn đến cách tìm hiểu một điển cố. Từ việc tra cứu một chữ đến việc đối chiếu nhiều văn bản. Nhưng có lẽ điều quan trọng nhất tôi học được từ anh không nằm ở một chữ Hán hay một kiến thức lịch sử cụ thể nào.

Đó là cách làm học thuật.

3. “Dịch đúng ý trước, dịch sát sau”

Một trong những điều tôi nhớ rất rõ khi học với anh là quan niệm về dịch thuật.

Anh thường nhấn mạnh rằng khi dịch một tác phẩm, trước hết phải hiểu đúng ý tác giả, rồi mới nghĩ đến việc dịch sát từng chữ.

Đó là một bài học tưởng đơn giản nhưng thực ra rất khó.

Người mới học chữ Hán thường dễ rơi vào cái bẫy “dịch từng chữ”. Thấy chữ nào thì tìm nghĩa chữ ấy, ghép lại thành câu, rồi tưởng rằng mình đã dịch được nguyên văn. Nhưng một câu văn không phải là tổng số cơ học của những chữ đứng trong câu.

Một chữ có thể có nhiều nghĩa. Một thành ngữ có thể mang cả một điển tích. Một câu cổ văn có thể hàm chứa một ý mà nếu chỉ bám từng chữ thì sẽ đánh mất. Một tác giả có thể cố tình viết mơ hồ, hàm súc hoặc chơi chữ.

Vì thế, anh dạy tôi một nguyên tắc mà tôi vẫn nhớ: “*Phải hiểu người viết muốn nói gì trước; sau đó mới tìm cách nói lại bằng tiếng Việt cho đúng và hay.*”

Đó không chỉ là nguyên tắc dịch thuật. Nó còn là nguyên tắc của việc đọc.

Muốn hiểu một người, không thể chỉ nhìn từng lời họ nói. Phải hiểu cả điều họ muốn nói.

4. Người thầy bắt tôi phải viết

Tôi học được từ anh Nguyễn Duy Chính khá nhiều, nhưng cũng chính vì vậy mà tôi càng thấy mình có một khuyết điểm lớn: tôi học nhiều nhưng viết quá ít.

Tính tôi vốn nhút nhát và đôi khi lười biếng. Nhiều điều đọc được, hiểu được, suy nghĩ được, tôi thường giữ riêng cho mình.

Tôi nghĩ rằng mình chưa đủ giỏi để viết. Tôi sợ viết sai. Sợ người khác bắt lỗi. Sợ một điều mình tưởng là mới nhưng thực ra người khác đã biết từ lâu. Sợ một nhận định chưa đủ chín. Và thế là cách an toàn nhất là... không viết gì cả.

Anh Nguyễn Duy Chính thì hoàn toàn ngược lại. Anh luôn khuyến khích và nhắc nhở tôi phải viết. Anh khuyên tôi mỗi ngày dành một hoặc hai giờ để viết, không nhất thiết phải viết một công trình lớn. Có thể chỉ ghi lại những gì mình vừa học, vừa đọc, vừa suy nghĩ.

Bởi viết không chỉ để cho người khác đọc.

Viết còn là một phương pháp học.

Viết giúp củng cố trí nhớ.

Viết giúp sắp xếp lại kiến thức.

Viết giúp phát hiện những chỗ mình chưa hiểu.

Và quan trọng nhất, viết giúp mình nhiều năm sau nhìn lại biết mình đã học được những gì.

Đó là một lời khuyên tôi thấy càng ngày càng đúng.

5. “Viết ra điều mới tìm được là việc của chú”

Nhưng điều khiến tôi nhớ nhất có lẽ là lần tôi nói với anh rằng mình ngại viết vì sợ viết sai. Anh trả lời tôi bằng một câu mà tôi vẫn nhớ cho đến hôm nay: “*Viết ra điều mới tìm được là việc của chú. Sửa chỗ sai là việc của người khác, không phải việc của chú.*”

Tôi nghĩ đó là một trong những bài học quý nhất mà tôi từng nhận được về việc làm khảo cứu. Bởi người học thường có hai nỗi sợ”: sợ mình chưa đủ giỏi và sợ mình sai.

Hai nỗi sợ ấy khiến người ta không dám nói, không dám viết, không dám công bố điều mình tìm thấy, nhưng nếu ai cũng chờ đến khi mình hoàn toàn không còn sai mới viết, thì có lẽ chẳng mấy ai viết được gì.

Một người nghiên cứu có trách nhiệm phải cố gắng hết sức để kiểm chứng điều mình viết. Nhưng sau đó, nếu phát hiện một tư liệu mới, một cách đọc mới, một cách giải thích mới, thì hãy mạnh dạn trình bày.

Người khác có thể phản biện.

Người khác có thể bổ sung.

Người khác có thể sửa.

Và chính quá trình ấy làm cho tri thức tiến lên.

Câu nói của anh đã giúp tôi hiểu rằng khiêm tốn không có nghĩa là im lặng.

Khiêm tốn là biết mình có thể sai, nhưng vẫn có trách nhiệm chia sẻ điều mình biết và sẵn sàng sửa khi có bằng chứng tốt hơn.

6. "Học không phải để cho vui rồi thôi. Học phải hành."

Anh Nguyễn Duy Chính là người có một tinh thần tự học rất mạnh nhưng tự học đối với anh không phải là một thú tiêu khiển trí thức.

Anh đọc rất nhiều, nhưng không đọc chỉ để biết. Anh học chữ Hán không phải chỉ để có thể đọc chữ Hán. Anh tìm tư liệu không phải chỉ để thỏa mãn sự tò mò. Anh dịch không phải chỉ để chơi. Anh khảo cứu không phải chỉ để chứng tỏ mình biết nhiều. Đằng sau tất cả những việc ấy là một quan niệm rất rõ:

"*Học không phải để cho vui rồi thôi. Học phải hành*."

Hai chữ "học phải hành" có lẽ là cách ngắn nhất để nói về con người Nguyễn Duy Chính.

Học chữ Hán thì dùng chữ Hán để đọc nguyên tác. Đọc sử thì tìm tư liệu gốc. Tìm được tư liệu thì dịch ra. Dịch rồi thì chú thích. Nghiên cứu rồi thì viết. Viết rồi thì công bố. Có người phản biện thì xem lại. Tìm được tài liệu mới thì sửa chữa. Và cứ thế tiếp tục.

Đó là một chu trình học tập không có điểm kết thúc.

7. Từ Kim Dung đến lịch sử Việt Nam

Nếu chỉ nhìn anh Nguyễn Duy Chính qua những công trình sử học về sau, người ta có thể quên rằng con đường của anh bắt đầu từ một thế giới rất khác: Kim Dung.

Những năm cuối thế kỷ XX, anh đã dịch một số tác phẩm Kim Dung và đưa lên VietKiếm, trong đó có *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, *Thiên Long Bát Bộ*, *Bạch Mã Khiếu Tây Phong*, *Uyên Ương Đao* và *Việt Nữ Kiếm*. Chính không gian mạng ấy đã giúp anh kết nối với nhiều độc giả và học giả trong nước. Những bài khảo luận về Kim Dung và văn hóa Trung Hoa sau đó được tập hợp thành *Đọc Kim Dung – Tìm hiểu văn hóa Trung Quốc*, xuất bản năm 2002.

Từ Kim Dung, anh Nguyễn Duy Chính đi vào văn hóa Trung Hoa. Từ văn hóa Trung Hoa, anh đi vào lịch sử. Và rồi từ lịch sử Trung Hoa, anh quay trở lại với một câu hỏi ngày càng lớn hơn: *Người Việt Nam đã được ghi lại như thế nào trong chính những tư liệu của Trung Hoa?*

Đó chính là nơi sự nghiệp khảo cứu của anh chuyển sang một giai đoạn mới.

Từ khoảng năm 2002–2003, anh tập trung mạnh vào lịch sử Việt Nam, đặc biệt là thời Tây Sơn.

8. Từ một tiến sĩ quản trị kinh doanh đến một nhà khảo cứu sử Việt

Tiểu sử chính thức của anh Nguyễn Duy Chính có một chi tiết khá đặc biệt.

Anh sinh năm 1948 tại Sơn Tây, theo gia đình vào Nam năm 1954, từng học Chu Văn An Sài Gòn và Quốc gia Hành chánh Sài Gòn. Năm 1979, anh rời Việt Nam sang Hoa Kỳ và sau đó hoàn tất học vị Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh tại Hoa Kỳ. Anh sống và làm việc tại California.

Như vậy, nếu xét về đào tạo chuyên môn, anh Nguyễn Duy Chính không phải là một sử gia được đào tạo trong khoa sử. Điều này càng làm cho sự nghiệp khảo cứu của anh đáng chú ý. Bởi lịch sử Việt Nam đối với anh không phải là một nghề được giao, mà là một mối đam mê được lựa chọn.

Anh đi vào sử học bằng con đường của người tự học: đọc, tìm, đối chiếu, dịch, ghi chép, trao đổi và viết. Và anh đã dành nhiều năm để tìm đến những nguồn tư liệu mà người đọc Việt Nam trước đây không dễ tiếp cận, đặc biệt là các tài liệu của triều Thanh liên quan đến Đại Việt và Tây Sơn.

Những công trình như *Thanh–Việt nghị hòa*, *Việt–Thanh chiến dịch*, *Đại Việt quốc thư*, *Lê mạt sự ký*, *Vó ngựa và cánh cung*, những khảo cứu về "Giả vương nhập cận" và nhiều công trình khác đã tạo thành một mảng nghiên cứu khá đặc biệt trong văn nghiệp của anh. Các nhà xuất bản giới thiệu anh Nguyễn Duy Chính như một tác giả

có nhiều công trình về lịch sử Việt Nam thời Tây Sơn và quan hệ Việt–Thanh.

9. Điều tôi học được từ người khảo cứu

Tôi nghĩ điều quý nhất tôi học từ anh Nguyễn Duy Chính không phải là một danh sách kiến thức.

Kiến thức có thể tìm thấy trong sách. Chữ Hán có thể học. Điển cố có thể tra. Sử liệu có thể đọc.

Ngay cả phương pháp khảo cứu cũng có thể học từ người khác nhưng thái độ của một người đối với việc học thì khó học hơn nhiều.

Ở anh Nguyễn Duy Chính, tôi thấy một sự cần cù gần như không cho phép mình lười biếng. Anh có thể bỏ rất nhiều thời gian để tìm một chữ, kiểm tra một câu, đối chiếu một tài liệu, truy nguyên một sự kiện. Có những chuyện người khác cho rằng không đáng mất công, anh vẫn làm. Bởi vì anh biết rằng trong nghiên cứu, đôi khi một chi tiết nhỏ có thể làm thay đổi cách hiểu cả một vấn đề.

Anh cũng không có thói quen xem việc học là một cuộc thi. Không phải học để hơn người khác. Không phải biết nhiều để được khen. Mà học để hiểu, rồi đem cái hiểu ấy làm thành việc.

Đó chính là chỗ tôi thấy anh gần với Nguyễn Hiến Lê nhất.

10. Một dây chuyền của những "tâm sư"

Ngẫm lại, mối quan hệ giữa tôi và anh Nguyễn Duy Chính có một cái gì đó khá thú vị.

Anh Nguyễn Duy Chính gọi Nguyễn Hiến Lê là "tâm sư".

Nguyễn Hiến Lê đã để lại sách cho một thế hệ người Việt tự học.

Anh Nguyễn Duy Chính đọc những sách ấy, học theo tinh thần của cụ, rồi đem tinh thần ấy tiếp tục thực hành trong cuộc đời mình.

Tôi lại đọc anh Nguyễn Duy Chính.

Tôi học từ anh. Và rồi, một cách nào đó, tôi lại muốn ghi lại những điều đã học được từ anh để người khác cùng biết.

Có thể đó là một thứ dây chuyền của những người thầy không đứng trên bục giảng. Người trước truyền lại cho người sau không nhất thiết bằng một lớp học. Có khi chỉ bằng một cuốn sách. Một bài viết. Một câu nói. Một cách sống. Một tấm gương làm việc. Và người sau tiếp nhận, rồi lại truyền tiếp.

Đó có lẽ là một trong những hình thức đẹp nhất của sự truyền thừa văn hóa.

11. Anh Nguyễn Duy Chính và đời sống trí thức Việt Nam ở Nam California

Trong cộng đồng người Việt tại Nam California, anh Nguyễn Duy Chính còn là một trường hợp đáng chú ý của lớp trí thức Việt Nam sau năm 1975.

Anh không chỉ sống bằng quá khứ. Anh cũng không chỉ hoài niệm về nền học thuật đã mất. Anh tìm cách tiếp tục học tập trong hoàn cảnh mới.

Từ California, anh tiếp cận các thư viện và nguồn sách lớn của Hoa Kỳ; đồng thời duy trì quan hệ với các nhà nghiên cứu và những người yêu văn hóa Việt Nam ở nhiều nơi. Những mối giao tình trí thức ấy cũng là một phần quan trọng trong đời sống của anh. Tôi may mắn được trở thành một trong những người bạn như vậy.

Chúng tôi có thể bàn với nhau về một chữ Hán, một câu cổ văn, một đoạn sử, một bản dịch, một tư liệu mới tìm thấy. Nhưng đằng sau những câu chuyện tưởng như rất chuyên môn ấy là một tình bạn được xây dựng trên một nền tảng giản dị hơn: cùng yêu sách, cùng ham học và cùng tin rằng tri thức nên được chia sẻ.

12. Một người bạn, một người thầy, một tấm gương

Nếu phải dùng một danh từ duy nhất để gọi anh Nguyễn Duy Chính, tôi sẽ rất khó chọn.

Gọi anh là Tiến sĩ thì đúng về học vị nhưng chưa nói hết con người anh.

Gọi anh là dịch giả thì đúng nhưng chỉ mới nói đến một phần của sự nghiệp.

Gọi anh là nhà nghiên cứu lịch sử thì gần hơn, nhưng vẫn chưa diễn tả được cả hành trình.

Gọi anh là học giả có lẽ đúng hơn.

Nhưng đối với riêng tôi, anh còn là một người thầy.

Không phải người thầy theo nghĩa trường lớp. Không có bảng đen, không có giáo trình, không có giờ học cố định. Mà là người thầy đã dạy tôi bằng chính cách anh sống và làm việc.

Anh dạy tôi rằng không biết thì học. Học rồi phải ghi. Ghi rồi phải viết. Viết rồi phải chia sẻ. Chia sẻ rồi phải chấp nhận bị sửa. Bị sửa thì học thêm. Và học thêm rồi lại viết tiếp.

Một vòng tròn tưởng đơn giản mà nếu làm được suốt đời thì không đơn giản chút nào.

13. Điều tôi muốn nói với anh

Tôi từng đọc bài "Tâm Sư" của anh và từ đó tự nhận anh là "tâm sư" của mình.

Có lẽ khi ấy anh không hề biết.

Có lẽ mãi sau này anh cũng không biết rằng một bài viết mình viết về người thầy tinh thần của mình lại vô tình trở thành một chiếc cầu dẫn đến một mối quan hệ thầy–trò tinh thần khác.

Nhưng hôm nay, khi viết những dòng này về anh, tôi muốn nói điều ấy một cách công khai.

Cảm ơn anh. Cảm ơn anh vì những điều anh đã viết. Cảm ơn anh vì những điều anh đã dạy. Cảm ơn anh vì đã cho tôi thấy rằng một người không cần phải đứng trên bục giảng mới có thể làm thầy. Và cảm ơn anh nhất là vì đã nhiều lần nhắc tôi phải viết.

Tôi biết mình vẫn chưa làm được như lời anh dặn. Tôi vẫn còn nhút nhát. Vẫn còn lười. Vẫn còn nhiều điều đọc rồi để đó.

Nhưng ít nhất, từ ngày gặp anh, tôi đã hiểu rằng học mà không viết, biết mà không chia sẻ, tìm được mà không ghi lại, thì cái học ấy rất dễ tan biến theo thời gian.

Thay lời kết: "Học phải hành"

Nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của anh Nguyễn Duy Chính, tôi nghĩ có thể thấy ở anh một điều nhất quán rất rõ.

Từ một cậu học trò Chu Văn An ở Sài Gòn, đến một người sang Hoa Kỳ năm 1979; từ một tiến sĩ quản trị kinh doanh đến một dịch giả Kim Dung; từ những bài viết trên VietKiếm đến những công trình khảo cứu văn hóa Trung Hoa; rồi từ đó đi sâu vào lịch sử Việt Nam, lịch sử Tây Sơn và quan hệ Việt–Thanh — con đường ấy không được hoạch định từ đầu.

Nó được tạo thành từng bước bằng sự ham học.

Một bước đọc.

Một bước tìm.

Một bước dịch.

Một bước khảo cứu.

Một bước viết.

Rồi lại bắt đầu từ đầu.

Có lẽ vì vậy mà câu nói của anh, "*Học không phải để cho vui rồi thôi. Học phải hành*," đối với tôi không chỉ là một lời khuyên.

Nó là một chân dung thu nhỏ của chính Nguyễn Duy Chính.

Anh học rồi làm.

Anh tìm rồi viết.

Anh biết rồi chia sẻ.

Anh gặp một điều chưa rõ thì đi tìm.

Gặp một tư liệu mới thì đem ra bàn.

Gặp một chỗ sai thì sửa.

Và dù đã có một khối lượng công việc đáng kể, anh vẫn tiếp tục học.

Đó là điều làm tôi kính trọng anh nhất. Bởi trong cuộc đời của một người yêu sách, điều đáng sợ không phải là mình biết ít.

Điều đáng sợ là ngừng muốn biết thêm.

Anh Nguyễn Duy Chính chưa bao giờ cho tôi cảm giác ấy.

Trái lại, ở anh lúc nào cũng có một sự tò mò trí thức, một niềm say mê tìm hiểu và một năng lượng làm việc khiến người đối diện cảm thấy mình cũng phải đứng dậy, mở sách ra và bắt đầu làm một việc gì đó.

Tôi gặp anh Nguyễn Duy Chính năm 2008. Nhưng thật ra tôi đã gặp anh từ nhiều năm trước đó, trên những trang VietKiếm và trong những bài khảo cứu mà tôi đọc say sưa.

Và có lẽ, cũng như anh Nguyễn Duy Chính từng nhận Nguyễn Hiến Lê làm "tâm sư" dù chưa từng được diện kiến cụ, tôi cũng đã nhận anh Nguyễn Duy Chính làm "tâm sư" của mình từ trước ngày chúng tôi gặp nhau.

Chỉ khác một điều: Tôi may mắn hơn anh ở chỗ, tôi đã có cơ hội gặp người thầy tinh thần của mình bằng xương bằng thịt, được ngồi đối diện, được trò chuyện, được học hỏi và được trở thành một người bạn của anh.

Vì thế, nếu phải viết một câu ngắn nhất để giới thiệu anh Nguyễn Duy Chính, tôi không muốn bắt đầu bằng học vị, chức danh hay danh mục tác phẩm. Tôi muốn bắt đầu bằng một câu rất riêng: *Anh Nguyễn Duy Chính là người mà tôi biết qua sách, tìm đến vì chữ nghĩa, gặp nhau vì cùng ham học, và quý trọng suốt đời như một người thầy*.

Và nếu một ngày nào đó, có ai hỏi tôi đã học được gì từ anh Nguyễn Duy Chính, có lẽ tôi sẽ không kể hết những chữ Hán, những điển cố, những trang sử hay những phương pháp khảo cứu mà anh đã chỉ cho tôi.

Tôi chỉ xin trả lời bằng chính lời anh:

"*Học không phải để cho vui rồi thôi. Học phải hành*."

Đó là bài học tôi nhận được từ anh.

Và đó cũng là điều tôi mong mình có thể giữ được lâu nhất.

TÂM SƯ

NGUYỄN DUY CHÍNH

1. Biết và đọc Nguyễn Hiến Lê ngay từ thuở nhỏ và ảnh hưởng ông cũng không ít nhưng tôi lại chưa gặp ông bao giờ, chưa thấy ông nữa, dù chỉ xa xa trên bục giảng hay micro thuyết trình. Thuở còn đi học thì không có dịp nào mà sau có đi làm vài năm thì lại ở lì một nơi sơn cùng thủy tận. Vả lại có muốn gặp ai thì phải có "duyên", hay ít ra cũng có "cớ". Mà tôi thì có lý do gì đâu, chẳng lẽ xin được tiếp kiến để xem ông gầy béo thế nào? Hay để hỏi thêm về làng Phương Khê, quê hương ông vốn chỉ cách nơi chôn nhau cắt rốn của tôi một quãng đường? Ai lại "thấy người sang bắt quàng làm họ" như thế bao giờ. Sự đời đưa đẩy, đến những năm sau cùng thì tôi không còn có dịp nào gặp ông được nữa.

2. Tôi đọc Nguyễn Hiến Lê không nhiều. Khi còn trẻ tôi chỉ nghiền ngẫm một vài cuốn rất sơ đẳng. *Luyện văn, Đắc nhân tâm, Quẳng gánh lo đi*… Lớn thêm một chút thì đọc *Cổ văn Trung Quốc, Đại cương triết học Trung Quốc, Tô Đông Pha, Sống đẹp*… và một số sách thuộc loại gương danh nhân. Tính ra chắc chỉ độ một phần nhỏ những sách ông soạn hay dịch. Gần đây nhất, tôi chỉ còn giữ trong nhà bộ *Hồi ký* và *Đời viết văn của tôi*. Ông viết

những cuốn này vào cuối cuộc đời, vừa theo lối tự thuật, vừa là những hướng dẫn chính ông đưa ra về lối sống và cách viết. Chính vì thế, tôi không có một kỷ niệm nào cụ thể để nói về ông. Dẫu thế, tôi vẫn coi ông là một bực thầy, một người ảnh hưởng rất nhiều đến lối làm việc và suy nghĩ, một bậc "tâm sư" như thỉnh thoảng tôi vẫn tự nhủ như thế.

3. Nhiều người vẫn bảo tôi chọn lầm nghề. Đúng ra tôi phải chọn nghề dạy học. Chính tôi cũng nghĩ thế cho đến khi đọc được một câu trong tập Hồi ký của Nguyễn Hiến Lê. Ông kể rằng ông từ chối lời mời dạy học của nhiều người để tập trung vào việc viết, nhờ thế mà viết được nhiều. Từ đó tôi mới nghiệm ra rằng dù làm nghề nào thì cũng phải tốn một số thì giờ để mưu sinh, cái hay nhất là viết mà lại kiếm ra tiền để sống, chỉ có thế mới hoàn toàn tập trung vào công việc được.

Tuy nhiên muốn như thế cũng còn phải có duyên. Ở trên xứ Mỹ này người Việt Nam sống được bằng nghề viết quả hiếm hoi, tuy có những người sống khá phong lưu nhưng đó là nghề làm báo chứ không phải viết văn theo sở thích và cũng chịu những vinh nhục của nó chứ không hẳn đã ngồi mát ăn bát vàng. Nhiều người trong ngành báo chí lại bận rộn đến nỗi nhiều năm chẳng viết được bài nào cho ra hồn, nói gì đến thực hiện những công trình văn học to lớn.

4. Khi mới sang định cư tại Mỹ tôi đã quen được một giáo sư chuyên về sử Trung Quốc khá danh tiếng. Ông ngỏ ý muốn bảo trợ cho tôi học tiếp về ngành sử để sau này vừa dạy học, vừa nghiên cứu. Quả thực khi đi thăm

ngôi trường và dạo một vòng trong thư viện Hán văn của Đại học Lawrence (Kansas), tôi không thể ngờ kho tài liệu chữ Hoa của họ lại đồ sộ đến thế. Giá như tôi bằng lòng ở lại đó để theo học thì chắc cuộc đời đã đi vào một ngã rẽ khác.

Thế nhưng mỗi hoàn cảnh lại có những cơ duyên khác nhau, miễn là mình có một chủ đích. Việc dành hết thì giờ vào việc viết họa chăng chỉ có thể thực hiện khi kiếm được một cô vợ giàu lại có thiện tâm, sẵn lòng "cử án tề mi" nuôi một anh chồng "dài lưng tốn vải". Ngặt là trên đời này người có lòng thì lại không có tiền, người có tiền thì lại … không thèm lấy mình, thành thử chỉ có nước tay làm hàm nhai rồi còn thừa thì giờ thì nghiên cứu.

5. Phải nói rằng tuy đã lập cái chí như thế nhưng cuộc đời đâu dễ chiều người. Quanh đi quẩn lại chỉ giữ được cái tính ham đọc sách, còn chuyện viết văn thì lúc có lúc không khi miếng cơm manh áo đã là một trở ngại mà cái tâm viên ý mã của mình lại còn là một kẻ thù khó trị hơn. Qua nhiều thử thách, tôi mới nhận được ra rằng, văn cũng như võ, không thể có con đường tắt. Chúng ta chỉ có thể đi con đường của người đi trước đã vạch ra, theo được đến đâu là tùy ở mình nhưng không thể "học nhảy".

Thế nhưng mãi đến sau này, tôi mới chịu chấp nhận rằng chỉ nên chọn những đề tài nho nhỏ, tìm hiểu cho cặn kẽ, thêm một chút suy tư riêng thì mới có thể viết được, và cũng mới có phần nào của mình. Nếu hấp tấp lao vào những đề tài quá lớn, những công trình đồ sộ

thì chẳng bao lâu sẽ thấy rằng lực bất tòng tâm mà đành bỏ dở. Đó chính là bài học quan trọng nhất mà tôi đã thụ đắc của nhà văn Nguyễn Hiến Lê. Viết chính là học vì trước hết là để thỏa mãn cái tri thức cho chính mình trước khi trao lại cho người khác.

6. Khi còn ở Việt Nam, tôi đã dự định nghiên cứu một số đề tài về văn hóa. Hoàn cảnh đẩy đưa đã khiến những công trình đó phải bỏ dở. Bây giờ với cái trái chanh mình có được, tôi đành cố gắng biến cái mất thành cái được để khởi đầu cho một bước phiêu lưu mới. Tôi cũng không thể đợi cho đến khi mình hoàn toàn có đủ mọi điều kiện mà một khi thấy khả dĩ thì bắt đầu, cũng như người ta chuẩn bị xây nhà ngay khi có miếng đất, các loại vật liệu dần dần mỗi ngày một ít chứ không thể cầu toàn.

Tuy nhiên, phải nói rằng việc lựa chọn đề tài lại là một vấn đề. Những đề tài thông dụng thường đã có người nghiên cứu rồi và nếu mình lập lại thì phải có gì mới lạ hơn. Mới lạ hơn không có nghĩa là có những chi tiết khác thường mà là soi sáng thêm cho vấn đề ở một khía cạnh khác chứ không phải để bóp méo sự thật. Quan trọng nhất, nó phải là cái nhìn của người Việt Nam về vấn đề đó, có những tương quan và liên hệ đến mình, hay ít nhất cũng cho chúng ta một bối cảnh để đặt lại một số vấn đề chưa rõ ràng hay có điểm khả nghi. Nếu trong đầu mình đã có chủ đích về một đề tài, chúng ta có nhiều duyên may tìm thấy tài liệu về vấn đề đó. Đó cũng lại là một lời khuyên dựa vào kinh nghiệm của nhà văn Nguyễn Hiến Lê.

7. Tôi cũng đã theo những điều chỉ dẫn, học một sinh ngữ bằng cách đọc những tác phẩm mình đã biết rồi bằng nguyên tác -- chẳng hạn như học chữ Hán bằng cách xem Tam quốc chí. Chữ Hán của tôi vốn chẳng có căn cơ, chỉ là thứ chữ Nho ba rọi, cái lối học mà tôi vẫn thường tự chế riễu là "học chữ Nho ngoài đường". Khi còn nhỏ, mỗi khi đạp xe trong vùng Chợ Lớn, tôi thường so sánh những chữ Việt với chữ Tàu trên những bảng hiệu mà đoán, lâu dần cũng có được độ trăm chữ lót tay. Thế nhưng lối học đó rất hạn chế, chẳng ra ngô khoai gì cả. Đến khi đi làm, tôi cũng sắm một bộ Tam quốc để học nhưng vì chữ nghĩa ít quá, tra chưa được một trang đã chán, thành thử bộ sách cũng chỉ để đó, lâu lâu coi hình.

Lộc Đình tiên sinh cũng khẳng định rằng phải vạch ra một con đường, biến cái khổ não kia thành niềm vui. Nếu nghĩ đến học chữ Hán như một mục tiêu để lòe người thì chắc sẽ không bao giờ đạt tới. Trái lại nếu dùng chữ Hán như một con thuyền để qua sông, như một chìa khóa để mở một cánh cửa văn hóa và hiểu biết sâu xa hơn về chính dân tộc mình thì việc học không những không buồn chán mà còn thích thú, cho chúng ta được tiếp xúc với những người cách mình hàng ngàn năm và phần nào hiểu và thở cái không khí họ đã thở. Mặc dù nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã không tán thưởng tiểu thuyết Kim Dung, nhưng cũng như bao nhiêu người cùng trang lứa, tôi không thể không mê say những truyện võ hiệp kỳ tình của nhà văn Hương Cảng. Chính vì thế, trong giai đoạn mà thiên hạ thèm đọc Kim Dung phải chấp nhận những bản cũ kỹ rách nát, quả

không có cái sướng nào hơn cái sướng đọc truyện bằng nguyên tác chữ Hán, để thỉnh thoảng mỉm cười khi thấy một câu thú vị, hoặc tìm ra một ý tương đương, và cũng không khỏi chau mày khi nhớ lại bản cũ có những điểm dịch không chính xác. *Thủy ngưu* đâu phải là trâu nước mà là con trâu cày của ta vì theo người Tàu *ngưu* là con bò, *ngưu nãi* là sữa bò chứ nào phải sữa trâu? *Bán thiên* vẫn được dịch là nửa ngày nhưng thực tế chỉ để nói về một lúc lâu như trong từ điển của Tàu viết: quite a while, a long time với thí dụ: *Tha dĩ kinh đẳng liễu bán thiên* là He has already waited for a long time.

8. Có lẽ một trong những bất lợi của thời đại hôm nay là chúng ta có quá nhiều tài liệu và thông tin (information). Nhiều nguồn khác nhau đã cho chúng ta những cơn hồng thủy khiến khi nghiên cứu về một đề tài, vấn đề không còn là không tìm ra tài liệu mà là có quá nhiều. Internet, sách báo, tranh ảnh, radio, television … đã nhồi vào đầu chúng ta đủ mọi thứ, và chính vì thế người ta thường bị "bội độc" để khi viết về một đề tài không biết phải bắt đầu từ đâu và bỏ bớt những phần nào. Đến giờ phút này phải nói thực là sách vở tôi chỉ đọc phần lời nói đầu và mục lục, lướt qua nội dung rồi chọn những chi tiết nào quan trọng đối với đề tài mình đang quan tâm nghiền ngẫm cho kỹ hơn. Vấn đề của người viết ngày hôm nay là làm sao lục lọi trong đống sách vở và tài liệu vô cùng tận kia những gì mình cần và giới hạn trong cái cần đó chẳng khác gì một bà nội trợ đi vào siêu thị, quá nhiều đồ bán rẻ nên lắm khi mua quá những gì mình dự tính. Biết là thế nhưng tôi vẫn là một người thật mâu thuẫn với chính mình khi đi

đâu cũng vẫn no bụng đói con mắt, lắm khi sách mua về mà cả năm chưa đụng tới.

9. Điều khập khiễng nhất trong cái sở học của tôi – cũng như nhiều người Việt Nam khác – là chúng ta không được học về phương pháp nghiên cứu mà lại quá nặng về trau giồi trí nhớ. Phần lớn chúng ta nhớ cho thật nhiều những chi tiết, nhất là những gì là lạ. Người Việt chúng ta thích kể cho nhau nghe những giai thoại về một câu đối, những cái ngoắt ngoéo trong văn chương, một vài tư tưởng triết học mà ít ai nhắm vào phương pháp luận (methodology) để làm việc.

Tôi không biết trong quá khứ, dân tộc mình đã tốn bao nhiêu thì giờ để mài dũa văn chương, tốn bao nhiêu công lao vào việc tìm một chữ cho chỉnh, đối một chữ cho kêu. Hình như số lượng thơ in và phát hành lúc nào cũng nhiều, phần nhiều chỉ là "để lại cho con cháu" một chút hương hỏa bút mặc chứ thực sự không phải là những đóng góp quan trọng cho gia tài văn hóa. Không biết đó có phải là dư hưởng của tầm chương trích cú, cái học mà các cụ ta gọi là từ chương hay không? Đây cũng là một bài học mà Nguyễn Hiến Lê dạy cho tôi khi ông khuyên rằng đừng bao giờ có ý định dùng ngòi bút để tìm một chút hư danh.

10. Thắm thoát ông qua đời đã gần hai mươi năm. Cách quãng một thế hệ rồi còn gì. Thanh niên ngày nay chắc cũng ít ai còn đọc Nguyễn Hiến Lê mặc dù ra hiệu sách vẫn thấy tên ông trên giá. Có lẽ những người mua chỉ là những người hoài cổ, có kỷ niệm về ông hay mua làm tài liệu chứ không phải để tìm những điều mới mẻ như

thế hệ tôi ba, bốn chục năm trước. Sở hiếu của thanh niên nay đã khác nhiều. Sách về tổ chức, khoa học, kinh tế… ông viết nhiều phần không còn theo kịp với thời đại mới. Thế nhưng mỗi khi nghĩ đến một ông lão người hạc xác ve cặm cụi đọc và viết bằng bút bi trên tập pelure lót giấy than những bản thảo dày cộm hàng nghìn trang, đem rải những hương thơm đó ra cho đời, tôi vẫn nhủ rằng dân tộc mình còn được đến ngày hôm nay cũng là nhờ vào những bàn tay, khối óc âm thầm, khiêm tốn, đạm bạc như thế này.

Tháng 07-2003

Nguyễn Duy Chính